

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2024

V/v tranh chấp
Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc D

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Q

2. Ông Nguyễn Đức Th.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân H - Thư ký Toà án nhân dân huyện YL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yl tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị N - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2024 về việc “tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 31/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987

Địa chỉ: đều ở khu M, thị trấn YL, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H, anh T đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 28/3/2024, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nguyên đơn Chị H trình bày: Chị và Anh Nguyễn Thanh T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 18/12/2007. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xảy ra xung đột cãi vã. Hai bên đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Hiện nay Chị H và anh T đã sống ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay Chị H xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Toà án cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Quá trình giải quyết vụ án tuy đã được giao thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án. Tòa án đã đến nhà anh T ở khu M, thị trấn Y1, huyện Y1 để lấy lời khai, tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/6/2024 anh T xác định có đăng ký kết hôn với Chị H tại UBND Đồng Thịnh huyện Y1 ngày 18/12/2007. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì Chị H có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, cùng năm đó Chị H bỏ đi cùng người đàn ông khác cho đến nay, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay Chị H xin ly hôn anh có quan điểm chỉ đồng ý ly hôn khi Chị H trả cho anh 01 khoản tiền thì anh mới đến Tòa án, còn không anh sẽ không đến Tòa án và anh không ký vào Biên bản lấy lời khai và bất kỳ giấy tờ gì Tòa án giao.

- **Về con chung:** Chị H và anh T đều trình bày vợ chồng có 03 con chung là: Nguyễn Thanh T, sinh ngày 29/8/2007; Nguyễn Thanh S, sinh ngày 25/12/2009 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 31/01/2016. Ly hôn chị H xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phương T và Nguyễn Thanh T để anh T trực tiếp nuôi dưỡng và Nguyễn Thanh S, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn quan điểm của anh T nếu vợ chồng ly hôn con ở với ai thì người đó nuôi, nếu anh được nuôi con anh không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan điểm của cháu T và T xin được ở với Chị H, còn cháu S xin được ở với anh Tuấn.

- **Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:** Chị H và anh T đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải chỉ tiến hành mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ với nguyên đơn, sau đó đã công khai chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn, bị đơn không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Nguyễn Thị H được ly hôn Anh Nguyễn Thanh T; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phương T và Nguyễn Thanh T cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Nguyễn Thanh S cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án ly hôn, bị đơn anh T có hộ khẩu thường trú tại Thị trấn Y1, huyện Y1, tỉnh Phú Thọ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y1, tỉnh Phú Thọ, được quy định tại Điều 28, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của Chị H về việc xin ly hôn anh T thấy rằng:* Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, hiện nay đang sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, nguyên đơn cho rằng đời sống chung thê kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn; Còn bị đơn cũng xác định vợ chồng mâu thuẫn là do nguyên đơn có quan hệ với người đàn ông khác, và cho rằng mâu thuẫn cũng đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai, nay nguyên đơn xin ly hôn quan điểm của bị đơn chỉ ly hôn khi nguyên đơn trả cho bị đơn 01 khoản tiền.

Như vậy, về mâu thuẫn giữa 02 vợ chồng đã được hai người thừa nhận, nên không phải xác minh. Việc bị đơn chỉ đồng ý ly hôn khi nguyên đơn trả cho anh 01 khoản tiền, nhưng không nói đó là khoản tiền gì và bao nhiêu, như vậy là bị đơn đã cố tình gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, việc hai bên đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng, nên cho nguyên đơn được ly hôn bị đơn là phù hợp.

[3]. *Về con chung:* Cả 03 con chung đều đã trên 07 tuổi, con chung T và T xin được ở với Chị H, Chị H cũng xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, nên cần giao hai cháu cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Còn cháu S xin được ở với anh Tuấn, anh T có quan điểm các con xin với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng, nên cần giao cháu S cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ thời điểm hai người ly hôn đến khi các con chung thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con vì hai bên không yêu cầu.

[4]. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu toán bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Nguyễn Thị H được ly hôn Anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung:

2.1. Giao cho Chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 29/8/2007 và Nguyễn Phương T, sinh ngày 31/01/2016, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

2.2. Giao cho Anh Nguyễn Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thanh S, sinh ngày 25/12/2009, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở hai bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006406 ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y1, tỉnh Phú Thọ. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Y1;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã ĐT, huyện Y1;
- Chi cục THADS huyện Y1;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lương Ngọc D